Kính gi Quý khách hàng

Tng công ty Phát trin h tng và Đu t tài chính Vit Nam (VIDIFI) xin trân trng cm n Quý khách đã tin tng s dng dch v trong thi gian qua. Chúng tôi kính chúc Quý khách sc khe, bình an trên mi chng đng.

Thc hin văn bn s 14209/BGTVT-CĐCTVN ngày 12/12/2023 ca B Giao thông vn ti (B GTVT) v vic điu chnh giá vé ti các hp đng BOT do B GTVT qun lý;

Thc hin văn bn s 8663/CĐBVN-TC ngày 15/12/2023 ca Cc Đng b Vit Nam (Cc ĐBVN) v vic trin khai k hoch điu chnh giá vé ti trm thu phí các d án BOT do B GTVT qun lý và văn bn s 8693/CĐBVN-TCHC ngày 18/12/2023 ca Cc ĐBVN v vic trin khai điu chnh giá vé ti các hp đng BOT do B GTVT qun lý;

VIDIFI xin thông báo tới Quý khách hàng mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ được Bộ GTVT và Cục ĐBVN chấp thuận điều chỉnh như sau:

- Trên Đường ô tô cao tốc Hà Nội – Hải Phòng:

+ Nhóm 1 (Xe di 12 gh ngi; Xe ti di 2T và xe buýt): 2.100 đng/km,

+ Nhóm 2 (Xe t 12 gh đn 30 gh, Xe ti t 2T đn di 4T): 3.000 đng/km,

+ Nhóm 3 (Xe t 31 gh ngi trlên, xe ti t 4T đn di 10T): 4.000 đng/km,

+ Nhóm 4 (Xe ti t 10T đn di 18T và xe ch Container 20 Fit): 6.400 đng/km,

+ Nhóm 5 (Xe ti t 18T trlên và xe ch Container 40 Fit): 8.251 đng/km.

Biu giá dch v s dng Đng ô tô cao tc Hà Ni – Hi Phòng vi VAT 8% s đc điu chnh t 0h00 ngày 29/12/2023 nh sau:

STT

Lộ trình

Phương tiện chịu phí đường bộ
Mức thu đã bao gồm VAT 8% (đồng)

Nhóm 1

Nhóm 2

Nhóm 3

Nhóm 4

Nhóm 5

1

Từ nút giao vành đai III đến nút giao QL 39 và ngược lại

44.000

63.000

85.000

135.000

174.000

2

Từ nút giao vành đai III đến nút giao QL 38B và ngược lại

102.000

146.000

195.000

312.000

402.000

3

Từ nút giao vành đai III đến nút giao QL10 và ngược lại

153.000

219.000

292.000

466.000

601.000

4

Từ nút giao vành đai III đến nút giao ĐT 353 và ngược lại

198.000

282.000

376.000

602.000

776.000

5

Từ nút giao vành đai III đến nút giao Tân Vũ, BĐ, ĐV và ngược lại

216.000

309.000

411.000

658.000

848.000

6

Từ nút giao QL 39 đến nút giao QL 38B và ngược lại

58.000

83.000

110.000

176.000

227.000

7

Từ nút giao QL 39 đến nút giao QL 10 và ngược lại

109.000

155.000

207.000

331.000

427.000

8

Từ nút giao QL 39 đến nút giao ĐT 353 và ngược lại

153.000

219.000

292.000

467.000

602.000

9

Từ nút giao QL 39 đến nút giao Tân Vũ, BĐ, ĐV và ngược lại

172.000

245.000

327.000

523.000

674.000

10

Từ nút giao QL 38B đến nút giao QL 10 và ngược lại

51.000

73.000

97.000

155.000

200.000

11

Từ nút giao QL 38B đến nút giao ĐT 353 và ngược lại

95.000

136.000

181.000

290.000

374.000

12

Từ nút giao QL 38B đến nút giao Tân Vũ, BĐ, ĐV và ngược lại

114.000

162.000

217.000

346.000

447.000

13

Từ nút giao QL 10 đến nút giao ĐT 353 và ngược lại

44.000

64.000

85.000

136.000

175.000

14

Từ nút giao QL 10 đến nút giao Tân Vũ, BĐ, ĐV và ngược lại

56.000

80.000

107.000

171.000

247.000

15

Từ nút giao ĐT 353 đến nút giao Tân Vũ, BĐ, ĐV và ngược lại

12.000

17.000

22.000

39.000

72.000

- Tại 02 trạm thu phí trên QL5:

[illegible] 2 tấn các loại xe buýt vận tải khách công cộng
[illegible] Container 20 fit
[illegible] xe buýt vận tải khách công cộng
[illegible] Container 20 fit
Trần trọng.